

**DANH SÁCH SINH VIÊN NĂM 4
NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2011-2012 - KHOA
LỊCH SỬ**

(Danh sách kèm theo Quyết định số
...../QĐ-ĐHSP ngày
...../...../2012)

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Điểm BH	Xếp loại	Mức học bổng	Số tiền
1	K34.602.001	Ngu An yễn Thị Ngộ c	22.09.2002	4387	300.000	300.000	150.000
2	K34.602.005	Ngu Bản Văn	05.09.2008	1088	300.000	300.000	150.000
3	K34.602.018	Ngu Gia o Thị Quỳnh nh	22.09.2010	5289	300.000	300.000	150.000
4	K34.602.050	Ngu Lin h Thị Hòn g	16.08.2001	9588	300.000	300.000	150.000
5	K34.602.051	Ngu Lin h Thị Trú c	23.09.2007	0088	300.000	300.000	150.000
6	K34.602.069	Trà Qua n H ng ông	27.09.2011	1489	300.000	300.000	150.000
7	K34.602.076	Huỳnh Thắ nh ng Phư ơng	25.09.2010	1489	300.000	300.000	150.000
8	K34.602.078	Lươ Thà nh Ngộ c	15.09.2006	3889	300.000	300.000	150.000
9	K34.602.078	Đỗ Toà n Thị n	19.09.2005	0586	300.000	300.000	150.000

	.088Tha	90		0
	nh			
10	K34Lê Tra	06. 9.1489	300.150	
	.602Thị ng	05.	000 0.00	
	.090	89	0	
11	K34NguTrư	18. 8.8189	300.150	
	.602yễn ờng	08.	000 0.00	
	.093Thế	90	0	
12	K34Đậu Anh	23. 8.7691	300.150	
	.602Thị	01.	000 0.00	
	.003	90	0	
13	K34Đin Ánh	24. 9.2494	360.180	
	.602h	11.	000 0.00	
	.004Thị	90	0	
	Ngu			
	yệt			
14	K34NguNhu	12. 9.0084	300.150	
	.602yễn ng	12.	000 0.00	
	.061Thị	90	0	
15	K34Lê Oan	03. 9.8184	300.150	
	.602Thị h	02.	000 0.00	
	.063Kim	90	0	
16	K34Lê Thú	27. 8.8183	300.150	
	.602Thị y	07.	000 0.00	
	.081	90	0	
17	K34Đặn Thị	01. 9.3896	360.180	
	.602g nh	08.	000 0.00	
	.084Thị	90	0	
18	K34Huỳnh Tuấ	15. 9.7193	360.180	
	.602nh n	12.	000 0.00	
	.094Tha	90	0	
	nh			
19	K34Hồ Tha	01. 9.3683	300.150	
	.608Ngộnh	04.	000 0.00	
	.038c Di	89	0	
	ễm			
20	K34Ngô Thợ	05. 9.0094	360.180	
	.608Trư	01.	000 0.00	
	.042ờng	90	0	
21	K34Bùi Tra	24. 9.1884	300.150	
	.608Thị ng	04.	000 0.00	
	.049	90	0	
22	K34Trà Tuâ	20. 9.2796	360.180	
	.608n n	01.	000 0.00	
	.053Đức	90	0	
23	K34NguNhu	11. 9.2790	360.180	
	.608yễn ng	06.	000 0.00	
	.031Hồn	90	0	
	g			
24	K34NguThi	24. 9.2796	360.180	

		.608yễn ện	08.	000	0.00
		.041Trầ	90	0	
		n N			
		gọc			
25	K34TrìnTrí	14. 9.3696	360. 180		
	.608h M	06.	000 0.00		
	.051inh	90	0		
26	K34Lê Hiế	02. 9.5995	360. 180		
	.610Minu	09.	000 0.00		
	.016h	88	0		
27	K34NguHòa	28. 10.097	360. 180		
	.610yễn	03. 0	000 0.00		
	.023Tha	90	0		
	nh				
28	K34Cao Huế	22. 10.086	300. 150		
	.610Thị	10. 0	000 0.00		
	.027	90	0		
29	K34Lê Khá	12. 10.098	360. 180		
	.610Quang	10. 0	000 0.00		
	.033ng	88	0		
30	K34NguLươ	13. 10.098	360. 180		
	.610yễn ng	07. 0	000 0.00		
	.045Văn	88	0		
31	K34Tạ Thê	18. 9.5984	300. 150		
	.610Thị u	12.	000 0.00		
	.073	90	0		
32	K34Đỗ Thư	06. 8.8291	300. 150		
	.610Thị ơng	10.	000 0.00		
	.078Hoà	89	0		
	i				
33	K34Lê Thư	10. 9.4183	300. 150		
	.610Thị ơng	01.	000 0.00		
	.080	88	0		
34	K34NguTú	03. 9.5992	360. 180		
	.610yễn	07.	000 0.00		
	.088Văn	89	0		
35	K34NguHải	23. 10.094	360. 180		
	.610yễn	08. 0	000 0.00		
	.015Thị	81	0		
	Tha				
	nh				
36	K34NguHư	15. 9.5992	360. 180		
	.610yễn ơng	08.	000 0.00		
	.031Thị	90	0		
37	K34Dư Lan	01. 10.094	360. 180		
	.610ơng	06. 0	000 0.00		
	.037Thị	90	0		
	Tha				
	nh				
38	K34Đặng Thả	21. 9.1292	360. 180		

.610g	o	07.	000	0.00
.072Thị		89		0